

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2020/HNGĐ-ST

Ngày 18/02/2020

Về việc: Hôn nhân gia đình.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vương.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Tiến và bà Vũ Thị Thúy.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Diệu Thúy - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

Ngày 18 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự thụ lý số: 321/2019/TLST - HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2019 về việc xin ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2020/QĐST- HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2020 và quyết định hoãn phiên Tòa số 03/2019/QĐ – HPT ngày 07/02/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị T, sinh năm 1991

Bị đơn: Anh Lê Xuân Tr, sinh năm 1981

Cùng nơi cư trú: Thôn Đ, xã M, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

(Tại phiên tòa có mặt chị T, anh Tr vắng mặt lần thứ 2 không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phạm Thị T trình bày: Chị kết hôn với anh Lê Xuân Tr kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Thái Thụy vào ngày 23 tháng 12 năm 2011 trên cơ sở tự nguyện, tự tìm hiểu. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống bình thường đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp và do vợ chồng chung sống với nhau đã lâu không có con. Từ đó dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Đến tháng 9 năm 2019 thì vợ chồng sống ly thân. Trước và sau khi gửi đơn xin ly hôn, chị đã được gia đình, đoàn thể và Tòa án nhiều lần hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ nhưng chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị giữ nguyên quan điểm ly hôn anh Lê Xuân Tr.

Về quan hệ con cái : Vợ chồng chị không có con chung

Về quan hệ tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải bị đơn anh Lê Xuân Tr trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh xác nhận lời khai của chị T về thời gian, điều kiện kết hôn là đúng. Về nguyên nhân mâu thuẫn một phần là do bất đồng quan điểm, hơn nữa thời gian kết hôn đã lâu mà chưa có con nên chị T chán nản bỏ về

nhà để sống từ tháng 9/2019, kể từ đó không quay về chung sống cùng anh nữa. Nay xác định tình cảm vợ chồng chưa đến mức căng thẳng nên anh không đồng ý ly hôn, nếu chị T cương quyết ly hôn thì tùy chị T.

Về con chung: Anh và chị T không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh và chị T không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghe phần trình bày của đương sự và xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Anh Lê Xuân Tr đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng đều vắng mặt tại phiên Tòa không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt anh Lê Xuân Tr.

[2]. Về hôn nhân: Chị Phạm Thị T và anh Lê Xuân Tr xây dựng hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình vào ngày 23/12/2011 là hôn nhân hợp pháp. Xét nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn thì thấy nguyên nhân chính là do anh chị chung sống đã lâu nhưng không có con chung, khiến hai vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng, tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Trong thời gian vợ chồng anh chị sống ly thân, gia đình và Tòa án đều đã hòa giải nhưng chị T vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn. Anh Tr mặc dù không ly hôn, nhưng không đưa ra được giải pháp gì để hàn gắn mâu thuẫn giữa vợ chồng. Khi chị T cương quyết ly hôn, anh Tr không đồng ý nhưng cũng không phản đối, thể hiện anh không còn thiện chí và thiết tha gì với việc đoàn tụ với chị T. Chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do vậy căn cứ vào các Điều 51; 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị T ly hôn đối với anh Tr.

[3]. Về quan hệ con cái: Vợ chồng chị T và anh Tr đều xác nhận chưa có con chung.

[4]. Về quan hệ tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản do vậy Hội đồng xét xử không xem xét và giải quyết về tài sản.

[5]. Về án phí và quyền kháng cáo đối với Bản án: Chị Phạm Thị T phải chịu án phí ly hôn và các bên có quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51; 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 35; Điều 147; Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị T được ly hôn anh Lê Xuân Tr.

2. Về con chung: Không có

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng chị Phạm Thị T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số: 0002045 ngày 03/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình thành tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo Bản án: Chị Phạm Thị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt anh Lê Xuân Tr, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự.
- VKSND huyện Thái Thụy;
- Chi cục Thi hành án huyện Thái Thụy;
- UBND xã M.
- Lưu VP, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Văn Vương